

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CLC1-CĐ N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1310173034-801 - SAP2000 H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010725	35CLC1-CĐ	Nguy n B ấ Tu n Anh	03/06/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
2	3471010020	34CLC-CD	Nguy n ấ nh B o	20/10/1991				5.0	5.0		5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
3	3571010385	35CLC1-CĐ	Tr n C ấ ng B ấ nh	08/06/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
4	3571010743	35CLC1-CĐ	Nguy n Ho ấ ng H i	21/06/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
5	3551010048	35CLC1-CĐ	Nguy n C ấ ng H u	18/10/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
6	3571010172	35CLC1-CĐ	Nguy n ấ c H u	05/10/1991				7.0	7.0		7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
7	3571011756	35CLC1-CĐ	B ấ i Tr ng H u	24/07/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
8	3571010692	35CLC1-CĐ	L ấ Ti n Khoa	13/03/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
9	3571011203	35CCĐ5	V ấ Th Kh ng	07/03/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
10	3571010674	35CLC1-CĐ	Tr nh Duy M nh	10/03/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	
11	3571010599	35CLC1-CĐ	Tr n V ấ Nh Mong	25/01/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
12	3571010198	35CLC1-CĐ	ấ o ấ Ho ấ Nh ấ n	17/11/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	
13	3571010373	35CLC1-CĐ	V ấ Tr n Nh t	07/08/1993				9.0	9.0		9.0	2.7	6.0	4.2	6.9	
14	3571010664	35CLC1-CĐ	ấ ng Duy Tâm	25/02/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
15	3571010202	35CLC1-CĐ	Nguy n C nh Tâm	06/10/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
16	3571010696	35CLC1-CĐ	Ng ấ VIOMinh	08/04/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
17	3571011827	35CLC1-CĐ	Ho ấ ng Ng c T n	26/04/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
18	3571010706	35CLC1-CĐ	Nguy n V ấ Nh Ti n	01/05/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
19	3571010720	35CLC1-CĐ	Cao V ấ Nh Thanh	01/05/1993				9.0	9.0		9.0	2.7	6.0	4.2	6.9	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CLC1-CĐ N ầ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1310173034-801 - SAP2000 H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H ầ V ầ T ầ N	NG ầ Y SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M TH ầ	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571010345	35CLC1-CĐ	H ầ V ầ Th ầ	22/02/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
21	3571010698	35CLC1-CĐ	Nguy n V ầ Th ầ	20/11/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
22	3571010729	35CLC1-CĐ	Tr ầ Ng Qu c Th ầ	27/04/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	
23	3571010732	35CLC1-CĐ	B ầ Duy Tr ầ	19/10/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
24	3571010204	35CLC1-CĐ	Ph m V ầ V ầ	14/05/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
25	3571010723	35CLC1-CĐ	Y ầ V ầ V ầ	18/07/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

T ầ g s : 25 h c sinh sinh v ầ n
Tr ầ Ng Khoa Gi ầ V ầ n B M ầ n
Tp.HCM, ngày / /
Gi ầ V ầ Khoa